**NỘI DUNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VÀ BÀI TẬP MÔN NGỮ VĂN 8**

**( Từ ngày 17/2 đến 29/2/ 2020)**

**VĂN BẢN: CHIẾU DỜI ĐÔ**

**(LÍ CÔNG UẨN)**

**I/ ĐỌC - HIỂU CHÚ THÍCH**

1/ Tác giả: SGK/50

2/ Tác phẩm:

* Hoàn cảnh sáng tác: SGK/50
* Thể loại: Chiếu SGK/50

**II/ ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN**

***1. Mục đích của việc dời đô.***

- Xưa nhà Thương năm lân dời đô, nhà Chu ba lần dời đô 🡪 Bài chiếu viện dẫn các lần dời đô của nhà Chu, nhà Thương: Lịch sử từng có chuyện dời đô, việc dời đô của Lí Công Uẩn là không có gì khác thường

- Mưu toan nghiệp lớn, tính kế cho con cháu đời sau 🡪- dời đô là một việc làm chính nghĩa vì sự cường thịnh của đất nước, vì lợi ích nhân dân

- Trên vâng mệnh trời, , dưới theo ý dân 🡪 thuận theo ý trời, lòng dân

- Đinh, Lê làm theo ý riêng mình 🡪 - Thế lực nhà Đinh, nhà Lê chưa đủ mạnh để dời đô ra đồng bằng.

🡪 Lí lẽ và chứng cứ thuyết phục (có sẵn trong lịch sử, ai cũng biết )

- Giọng văn dõng dạc, đanh thép thể hiện nỗi lòng của một vị vua yêu nước.

2. Vị thế của thành Đại La

- Về vị trí địa lí: Trung tâm trời đất, ... địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ, ngập lụt

- Về chính trị văn hóa: chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước...

🡪 Đại La xứng đáng trở thành kinh đô của đất nước

- Lời văn trang trọng vẽ ra viễn cảnh một kinh đô phồn vinh.

- Cách hỏi của vua như một lời trao đổi, đối thoại 🡪 thuyết phục người nghe hơn 🡪 thu phục lòng dân

- Giọng văn trầm lắng, giàu sức thuyết phục: Việc thay đổi kinh đô thể hiện sự sáng suốt của Lý Công Uẩn và còn là khát vọng muốn xây dựng đất nước hùng mạnh 🡪 mở ra một thời đại mới, thời đại xây dựng và củng cố quốc gia phong kiến

**III/ TỔNG KẾT**

GHI NHỚ SGK/51

**IV/ LUYỆN TẬP**

Chứng minh văn bản “Chiếu dời đô” có kết cấu chặt chẽ, lập luận giàu sức thuyết phục.

**TIẾNG VIỆT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **CÂU TRẦN THUẬT** | **CÂU PHỦ ĐỊNH** |
| **I/ ĐẶC ĐIỂM, HÌNH THỨC VÀ CHỨC NĂNG** | ***1/ Hình thức:***  Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.  Khi viết thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi nó có thế kết thúc bằng dấu chấm than hoặc bằng dấu chấm lửng.  ***2/ Chức năng:***  Thường dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả….  Kể: *Thốt nhiên một người nhà quê … tất tả chạy xông vào, thở không ra lời*  Thông báo: *Bẩm… quan lớn…. đê vỡ mất rồ*i! (kết thúc bằng dấu chấm than)  Miêu tả: *Cai Tứ là một người đàn ông thấp và gầy…. Mặt lão vuông nhưng hai má hóp lại.*  Nhận định: *Nước Tào Khê làm mòn đá đấy!*  Ngoài những chức năng chính trên, câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc … (vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác)  Yêu cầu: *Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.*  Bộc lộ cảm xúc:*Nhưng dòng nước Tào Khê không bao giờ cạn chính là lòng chung thủy của ta!* | ***1/ Hình thức:***  Câu phủ định là những câu có từ ngữ phủ định như: không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)….  Nam **không** đi Huế  Nam **chưa** đi Huế  Nam **chẳng** đi Huế.  **2/ Chức năng**:  Câu phủ định dùng để:   * Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (***câu phủ định miêu tả***)   *Mấy hôm nay trời* ***không*** *mưa mà cũng* ***không*** *gió.*   * Phản bác một ý kiến, một nhận định (***câu phủ định bác bỏ***)   ***Không phải****, nó chần chần như cái đòn càn.*  ***Đâu có****!* |
| II/ GHI NHỚ | SGK/46 | Sgk/53 |
| III/ LUYỆN TẬP | 1,2,3,4,5,6 SGK/46, 47 | 1,2,3,4,5,6 SGK/54 |

**TẬP LÀM VĂN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

**ĐỀ BÀI: THUYẾT MINH VỀ MỘT DI TÍCH, THẮNG CẢNH Ở ĐỊA PHƯƠNG**

**\*YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG – KĨ NĂNG :**

-Bài làm thuộc văn thuyết minh (Phương thức biểu đạt là thuyết minh nhưng không quá nghiêng về số lượng tri thức.)

*A/ Yêu cầu về nội dung :*

+ Đúng đối tượng

+ Cung cấp được những thông tin cơ bản, chính xác.

***1. MỞ BÀI :***

- Giới thiệu đối tượng thuyết minh

***2. THÂN BÀI :***

Lần lượt trình bày theo trình tự:

* + - Vị trí địa lí
    - Nguồn gốc lịch sử (xuất xứ tên gọi)
    - Đặc điểm nổi bật

**.** Kiến trúc

**.** Lịch sử văn hóa, kinh tế

**.** Cảnh quan du lịch

- Giá trị đối với đời sống con người

***3. KẾT BÀI :***

-suy nghĩ về đối tượng

*B/ Yêu cầu về kĩ năng :*

- Ngôn ngữ chính xác, trong sáng, tạo sức thuyết phục.

- Các đoạn được sắp xếp theo trình tự hợp lí, mạch lạc.

- Các câu có sự liên kết, đúng ngữ pháp.

- Bố cục rõ ràng, đúng chính tả.

- Khuyến khích có sự sáng tạo trong bài làm.

\*\*\* Lưu ý: HS có thể in ra và dán phần kiến thức trên vào tập và làm bài theo khả năng của từng em.